

Số: /BC-LHH

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả tư vấn, phản biện dự thảo "Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2030"

Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 15/03/2021 của UBND tỉnh quy định hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Công văn số 261/UBND-KGVX ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao nhiệm vụ tư vấn, phản biện năm 2023;

Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh đã thành lập Tổ Chuyên gia, Hội đồng tư vấn, phản biện (Hội đồng) gồm các chuyên gia, nhà khoa học ở Trung ương: TS. Nguyễn Tiến Định, Trưởng phòng Kinh tế hợp tác, Cục kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Bộ NN&PTNT; TS. Phùng Giang Hải, Trưởng bộ môn thể chế nông thôn - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và một số chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong tỉnh.

Ngày 27/4/2023, Hội đồng đã tiến hành tư vấn, phản biện dự thảo "Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2030". Kết quả nhận xét và kiến nghị như sau:

I. NHẬN XÉT CHUNG

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2030 (Nghị quyết) đã được chuẩn bị công phu, bài bản, có chất lượng, có bố cục hợp lý. Hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết đầy đủ, có sự đánh giá tác động đối với từng chính sách chi tiết, cụ thể, từ xác định vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết, đề xuất chính sách giải quyết, tác động của chính sách về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật; thể hiện tính chuyên nghiệp cao của đơn vị soạn thảo.

Tuy nhiên, cơ sở ưu tiên lựa chọn 10 chính sách Nhà nước hỗ trợ được đề xuất trong Nghị quyết chưa thực sự rõ ràng; giữa Tờ trình, Nghị quyết và phụ lục khái toán nguồn kinh phí thực hiện còn có nội dung chưa đồng bộ, thống nhất; nội dung Nghị quyết về chính sách còn bao gồm cả hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ. Một số thuật ngữ, quy định, đối tượng áp dụng trong Nghị quyết chưa rõ, dễ vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Nghị quyết còn

thấp, chưa thể hiện rõ sự lồng ghép, kết hợp các nguồn vốn; dẫn đến hiệu ứng lan tỏa, tác động chưa cao.

II. Ý KIẾN TƯ VẤN, PHẢN BIỆN CỤ THỂ

1. Về nội dung Tờ trình

- Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: cần có luận cứ sâu sắc để có tính thuyết phục cao. Tập trung vào phân tích nguyên nhân của các tồn tại hạn chế, đề từ đó đưa ra tính cấp thiết; nêu rõ cơ sở ưu tiên lựa chọn 10 chính sách hỗ trợ nêu trong Nghị quyết và hiệu quả dự kiến sau hỗ trợ.

- Quan điểm xây dựng Nghị quyết: cần bổ sung, bám sát chủ trương của Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu bổ sung mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể của Nghị quyết theo từng giai đoạn 2023-2025 và 2026-2030 để đề ra chính sách phù hợp và làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết sau này.

2. Về nội dung Nghị quyết và cơ chế, chính sách cụ thể

2.1. Về tên, phạm vi điều chỉnh và đối tượng, nguyên tắc áp dụng:

- Đề nghị bỏ cụm từ “*cơ chế*” tại tên của Nghị quyết vì không có cơ chế tại nội dung. Bỏ cụm từ “*hợp tác xã*” tại tên Điều 5 vì đối tượng thụ hưởng gồm cả liên hiệp HTX.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất lại phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (cụ thể là các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình, trang trại, HTX... đối với từng chính sách) trong toàn bộ nội dung của Tờ trình, Nghị quyết và khái toán kinh phí cho đồng bộ, đầy đủ và chính xác.

- Làm rõ các thuật ngữ, khái niệm và quy định cụ thể để tránh vướng mắc trong thực hiện Nghị quyết như: *giống lúa chất lượng, hệ thống tưới tiên tiến; UBND cấp xã* (nơi triển khai hay nơi tổ chức đặt trụ sở, nơi cá nhân cư trú?)... Loại bỏ những yêu cầu không chính xác về hồ sơ như *giấy chứng nhận đăng ký, hợp đồng vay vốn* của tổ hợp tác, trang trại...

- Làm rõ việc nhận mức hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng (khoản 5 Điều 3) là mức tối đa cho 1 năm hay cả giai đoạn 2023 - 2030?

- Làm rõ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hỗ trợ hàng năm (khoản 4 Điều 2); cơ quan phê duyệt dự án, phương án sản xuất (điểm b khoản 1 Điều 4) là cơ quan nào?

2.2. Về các chính sách cụ thể

- Các chính sách cần bám theo mục tiêu đặt ra, hỗ trợ đúng các đối tượng thụ hưởng, tránh dàn trải. Cơ quan soạn thảo cần tiếp tục nghiên cứu, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, thành phần hồ sơ xét hỗ trợ để các đối tượng thụ hưởng và cơ

quan có liên quan để thực hiện. Các thuật ngữ, quy định trong Nghị quyết cần phải thống nhất, rõ ràng, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Nghiên cứu bổ sung thêm chính sách hỗ trợ về thu hoạch, chế biến, bảo quản, thị trường, tiêu thụ. Đây là những nội dung quan trọng, mang tính quyết định đến hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nghị quyết.

- *Về chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng*: nghiên cứu bổ sung đối tượng áp dụng cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện đầu tư, liên kết, phát triển vùng nguyên liệu với các HTX, THT, trang trại và hộ nông dân hoặc cá nhân đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ. Tăng thời gian hỗ trợ lãi suất lên 60 tháng.

- *Chính sách hỗ trợ tập trung đất đai*: xem xét quy mô hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai còn nhỏ, chưa hình thành được vùng sản xuất tập trung lớn; nghiên cứu kỹ điểm b, khoản 3, điều 5 về hỗ trợ góp vốn bằng quyền sử dụng đất, nên hỗ trợ đối với trang trại, hộ nông dân thành viên HTX, để thúc đẩy nhanh hình thành vùng sản xuất tập trung. Xem xét nội dung hỗ trợ xây dựng CSHT vùng nguyên liệu cho cụ thể, chính xác.

- *Chính sách hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất trồng trọt*: nghiên cứu mở rộng áp dụng cho lâm nghiệp và thủy sản; trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến. Ưu tiên thêm cho các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có lợi thế của Bắc Giang như vải thiều, cây ăn quả..., để nâng cao hiệu quả chính sách.

- *Chính sách hỗ trợ giống lúa chất lượng*: cần làm rõ tiêu chí “lúa chất lượng” để tránh vướng mắc trong triển khai chính sách; xem xét điều kiện hỗ trợ phù hợp với đối tượng áp dụng là cả tổ chức và cá nhân.

- *Chính sách hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp và thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ*: xem xét bổ sung đối tượng áp dụng lĩnh vực lâm nghiệp, dược liệu (ví dụ: hỗ trợ chứng nhận GACP-WHO); điểm b, khoản 2, điều 8: bổ sung thêm sản phẩm thủy sản và lâm sản.

- *Chính sách hỗ trợ vùng sản xuất rau hàng hóa tập trung*: nghiên cứu bổ sung đối tượng áp dụng là cá nhân đáp ứng điều kiện được hỗ trợ.

- *Chính sách đối với lĩnh vực lâm nghiệp*: bổ sung đối tượng áp dụng là cá nhân, hộ gia đình cho phù hợp với thực tế. Bổ sung nội dung hỗ trợ luồng phát thực bì, làm đất... Xem xét việc một số điều kiện hỗ trợ, tiêu chí (10 năm) vượt ngoài phạm vi giai đoạn thực hiện của Nghị quyết (7 năm).

- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, tham mưu tăng tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết, để bảo đảm tính tác động thúc đẩy cao, tháo gỡ được những khó khăn, bất cập hiện nay. Nghiên cứu quy định thêm nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện, thành phố và các nguồn vốn lồng ghép khác.

2.3. Về Tổ chức thực hiện:

- Đề nghị làm rõ việc những đối tượng đã được thụ hưởng những chính sách tương tự của giai đoạn trước (tại Điều 16) có được tiếp tục thụ hưởng các chính sách quy định tại Nghị quyết này sau khi được ban hành hay không?

- Vì một số nội dung về thủ tục, hồ sơ... đã được quy định rất cụ thể tại nội dung Nghị quyết; đề nghị lược bớt những nội dung thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan tại Điều 15. Đồng thời, cần bổ sung, làm rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì tham mưu, triển khai thực hiện là Sở Nông nghiệp và PTNT.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Hội đồng tư vấn, phản biện để hoàn thiện, bảo đảm chất lượng, tính khả thi của Nghị quyết.

Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, UBND tỉnh (báo cáo)
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu TVPB, VT, CT.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Ngô Chí Vinh